|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN……  TRƯỜNG TH…. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Krông Năng, ngày 15 tháng 9 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH**

**Điều chỉnh chương trình môn TNXH lớp 3**

**dạy học ứng phó với dịch Covid-19 - Năm học 2021 - 2022**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH.**

Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 10/9/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Công văn số 3969/BGDĐT-GDTH ngày 10/9/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học năm học 2021-2022 ứng phó với dịch Covid-19;

Thực hiện Công văn số 1835/SGDĐT ngày 17/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đăk Lăk về việc hướng dẫn dạy học ứng phó với dịch bệnh trong thời gian dừng đến trường;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại trường tiểu học……

Giáo viên xây dựng Kế hoạch điều chỉnh chương trình dạy học ứng phó với dịch Covid-19 của môn TNXH lớp 3 như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, tháng** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | **Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)** | **Ghi chú** |
| **Chủ đề/ Mạch nội dung** | **Tên bài học** | **Tiết học/ thời lượng** |
| **1** | **Chủ đề 1: Con người và sức khỏe** | Hoạt động thở và cơ quan hô hấp | 1 |  |  |
| Nên thở thế nào? | 2 |  | GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và sử lý thông tin: Quan sát, tổng hợp thông tin khi thở bằng mũi, vệ sinh mũi. - Phân tích đối chiếu để biết được vì sao nên thở bằng mũi mà không nên thở bằng miệng. |
| **2** | Vệ sinh hô hấp | 3 |  | GDBVMT GDKNS: - Kĩ năng tư duy phê phán: Tư duy phân tích, những việc làm gây hại cho cơ quan hô hấp. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Khuyến khích sự tự tin, lòng tự trọng của bản thân khi thực hiện những việc làm có lợi cho cơ quan hô hấp. - Kĩ năng giao tiếp: Tự tin, giao tiếp hiệu quả để thuyết phục người thân không hút thuốc lá, thuốc lào ở nơi công cộng, nhất là nơi có trẻ em. |
| Phòng bệnh đường hô hấp | 4 |  | GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và sử lí thông tin: Tổng hợp thông tin, phân tích những tình huống có nguy cơ dẫn đến bệnh đường hô hấp. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Đảm nhận trách nhiệm với bản thân trong việc phòng bệnh đường hô hấp. - Kĩ năng giao tiếp: Ứng xử phù hợp khi đóng vai bác sĩ và bệnh nhân. |
| **3** | Bệnh lao phổi | 5 |  | GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và sử lí thông tin: Phân tích và xử lí thông tin để biết được nguyên nhân, đường lây bệnh và tác hại của bệnh lao phổi. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Đảm nhận trách nhiệm thực hiện hành vi của bản thân trong việc phòng lây nhiễm bệnh lao từ người bệnh sang người không mắc bệnh. |
| Máu và cơ quan tuần hoàn | 6 |  |  |
| **4** | Hoạt động tuần hoàn | 7 |  |  |
| Vệ sinh cơ quan tuần hoàn | 8 |  | GDBVMT GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin: So sánh đối chiếu nhịp tim trước và sau khi vận động. - Kĩ năng ra quyết định: Nên và không nên làm gì để bảo vệ tim mạch. |
| **5** | Phòng bệnh tim mạch | 9 |  | GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin: phân tích và xử lí thông tin về bệnh tim mạch thường gặp ở trẻ em. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Đảm nhận trách nhiệm của bản thân trong việc đề phòng bệnh thấp tim. |
| Hoạt động bài tiết nước tiểu | 10 |  | GDBVMT |
| **6** | Vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu | 11 |  | GDKNS: - Kĩ năng làm chủ bản thân: Đảm nhận trách nhiệm với bản thân trong việc bảo vệ và giữ vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu. |
| Cơ quan thần kinh | 12 |  |  |
| **7** | Hoạt động thần kinh | 13 |  | Tích hợp Biển, hải đảo GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: Phân tích, so sánh phán đoán hành vi có lợi và có hại. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Kiểm soát cảm xúc và điều khiển hoạt động suy nghĩ. - Kĩ năng ra quyết định để có những hành vi tích cự, phù hợp. |
| Hoạt động thần kinh (tiếp theo) | 14 |  |  |
| **8** | Vệ sinh thần kinh | 15 |  | Tích hợp Biển, hải đảo  GD KNS: -Kĩ năng tự nhận thức: Đánh giá được những việc làm của minhg có liên quan đến hệ thần kinh. - Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: Phân tích, so sánh phán đoán một số việc làm, trạng thái thần kinh, các thực phẩm có lợi hoặc có hại với cơ quan thần kinh. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Quản lý thời gian để thực hiện được mục tiêu theo thời gian biểu hàng ngày. |
| Vệ sinh thần kinh(tiếp theo) | 16 |  |  |
| **9** | Ôn tập và kiểm tra: Con người và sức khỏe | 17-18 |  |  |
| **10** | **Chủ đề 2: Xã hội** | Các thế hệ trong một gia đình | 19 |  | GDKNS:  - Kĩ năng giao tiếp: Tự tin với các bạn trong nhóm để chia sẻ, giới thiệu về gia đình của mình. -Kĩ năng Trình bày, diễn đạt thông tin chính xác, lôi cuốn khi giới thiệu về gia đình của mình. |
| Họ nội , họ ngoại | 20 |  | GDKNS:  - Khả năng diễn đạt thông tin chính xác, lôi cuốn khi giới thiệu về gia đình của mình. - Giao tiếp, ứng xử thân thiện với họ hàng của mình, không phân biệt. |
| **11** | Thực hành Phân tích và vẽ sơ đồ mối quan hệ họ hàng ( 2 tiết) | 21-22 |  |  |
| **12** | Phòng cháy khi ở nhà | 23 | Điều chỉnh: Bổ sung hình ảnh bếp ga theo thời đại hiện nay. | GDQPAN, GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: Phân tích, xủ lí thông tin về các vụ cháy. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Đảm nhận trách nhiệm của bản thân đối với việc phòng cháy khi đun nấu ở nhà. - Kĩ năng tự bảo vệ: Ứng phó nếu có tình huống hỏa hoạn ( cháy): Tìm kiếm sự giúp đỡ, ứng sử đúng cách. |
| Một số hoạt động ở trường | 24 |  | GDBVMT  GDKNS: - Kĩ năng hợp tác: Hợp tác nhóm, lớp để chi sẻ, đưa ra các cách giúp đỡ các bạn học kém. - Kĩ năng giao tiếp: Bày tỏ suy nghĩ, cảm thông, chia sẻ với người khác. |
| **13** | Một số hoạt động ở trường ( Tiếp theo) | 25 |  | GDBVMT  GDKNS: - Kĩ năng hợp tác: Hợp tác nhóm, lớp để chi sẻ, đưa ra các cách giúp đỡ các bạn học kém. - Kĩ năng giao tiếp: Bày tỏ suy nghĩ, cảm thông, chia sẻ với người khác. |
| Không chơi các trò chơi nguy hiểm | 26 |  | GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và sử lí thông tin: Biết phân tích, phán đoán hậu quả của những trò chơi nguy hiểm đối với bản thân và người khác. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Có trách nhiệm với bản thân và người khác trong việc phòng tránh các trò chơi nguy hiểm. |
| **14** | Tỉnh (thành phố ) nơi bạn đang sống ( 2 tiết) | 27-28 | Điều chỉnh: Bổ sung hoạt động tìm hiểu về lễ hội, di tích văn hóa lịch sử, những cảnh đẹp có ở dịa phương em. | Tích hợp Biển, hải đảo. GD KNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin: Quan sát, tìm kiếm thông tin về nơi mình đang sống. - Sưu tầm, tổng hợp, sắp xếp các thông tin về nơi mình sống. |
| **15** | Các hoạt động thông tin liên lạc | 29 | Điều chỉnh: Thêm hình ảnh điện thoại di động, cột thu phát sóng di động và máy tính để phù hợp với thực tế | GDQPAN |
| Hoạt động nông nghiệp | 30 |  | GDBVMT; GDKNS: -Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin: Quan sát, tìm kiếm thông tin về hoạt động nông nghiệp nơi minh đang sống. - Tổng hợp, sắp xếp các thông tin về hoạt động nông nghiệp nơi mình sống. |
| **16** | Hoạt động công nghiệp, thương mại | 31 |  | GDBVMT, GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin: Quan sát, tìm kiếm thông tin về hoạt động công nghiệp và thương mại nơi mình sống.  - Tổng hợp, sắp xếp các thông tin về hoạt động công nghiệp và thương mại nơi mình sống. |
| Làng quê và đô thị | 32 | Điều chỉnh: Bổ sung thêm hoạt động nói về cuộc sống ở nơi em đang ở. | GDBVMT, GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và sử lí thông tin: So sánh , tìm ra những đặc điểm khác biệt giữa làng quê và đô thị. - Tư duy sáng tạo thể hiện hình ảnh đặc trưng của làng quê và đô thị. |
| 17 | An toàn khi đi xe đạp | 33 |  | GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông ti: Quan sat, phân tích về các tình huống chấp hành đúng quy đinh khi đi xe đạp. - Kĩ năng kiên định thực hiện đúng quy định khi tham gia giao thông. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Ứng phó với những tình huống không an toàn khi đi xe đạp. |
| Ôn tập và kiểm tra học kì I | 34 |  |  |
| 18 | Ôn tập và kiểm tra học kì I ( Tiếp theo) | 35 |  |  |
| Vệ sinh môi trường | 36 | Thêm các thùng rác để phân loại rác thải.Thêm hình ảnh HS dọn rác trong lớp học. | GDBVMT, GDKNS: - Kĩ năng quan sát, tìm kiếm và xử lí các thông tin - Kĩ năng tư duy phê phán: Có tư duy phân tích, phê phán các hành vi, việc làm không đúnglàm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường. - Kĩ năng làm chủ bản thân: Đảm nhận trách nhiệm, cam kết thực hiện các hành vi đúng , phê phán và lên án các hành vi không đúng nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường. - Kĩ năng ra quyết định: Nên và không nên làm gì để bảo vệ môi trường. - Kĩ năng hợp tác: Làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. |
| **19** | Vệ sinh môi trường ( Tiếp theo) | 37 |  | GD BVMT, MTBĐ, TKNL |
| Vệ sinh môi trường ( Tiếp theo) | 38 |  | GD BVMT, MTBĐ, TKNL |
| **20** | Ôn tập: Xã hội | 39 |  |  |
| **20** | **Chủ đề 3: Tự nhiên** | Thực vật | 40 | Bổ sung: Hoạt động Chăm sóc cây trồng (Liên môn Đạo Đức - Bài Chăm sóc cây trồng, vật nuôi) | GDKNS, BVMT, MTBĐ - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí các thông tin: Phân tích, so sánh tìm đặc điểm giống và khác nhau cuả các loài cây. - Kĩ năng hợp tác: Làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. |
| **21-24** | Thân cây | 41 | Ghép 8 bài (41 - 48) dạy trong 7 tiết: Chủ đề Các bộ phận của cây | GD BVMT, GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin: quan sát và so sánh đặc điểm một số loại thân cây, rễ cây, á cây và hoa. - Tìm kiếm, phân tích, tổng hợp thông tin để biết giá trị của thân cây, lá cây, rễ cây và hoa với đời sống của cây, đời sống động vật và con người. |
| Thân cây ( Tiếp theo) | 42 |
| Rễ cây | 43 |
| Rễ cây ( Tiếp theo) | 44 |
| Lá cây | 45 |
| Khả năng kì diệu của lá cây | 46 |
| Hoa | 47 |
| Qủa |  |
| **24** | Thiên nhiên quanh em | 48 | Bổ sung tiết 48: HĐ trải nghiệm thăm quan vườn trường |  |
| **25** | Động vật | 49 |  | GD MTBĐ, GDBVMT |
| Côn trùng | 50 |  | GD BVMT, GDKNS: - Kĩ năng làm chủ bản thân: Đảm nhận trách nhiệm thực hiện các hoạt động ( thực hành) giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh nơi ở; tiêu diệt các loài côn trùng gây hại. |
| **26** | Tôm, cua | 51 |  | GDMTBĐ, GDBVMT |
| Cá | 52 |  | GDMTBĐ, GDBVMT |
| **27** | Chim | 53 |  | GDBVMT GD KNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí các thông tin: Quan sát, so sánh, đối chiếu để tìm ra đặc điểm chung về cấu tạo ngoài của cơ thể con chim. - Kĩ năng hợp tác: Tìm kiếm các lựa chọn, các cách làm để tuyên truyền, bảo vệ các loài chim, bảo vệ môi trương sinh thái. |
| Thú | 54 |  | GD BVMT,GDKNS: - Kĩ năng kiên định: Xác định giá trị; xây dựng niềm tin vào sự cần thiết trong việc bảo vệ các loài thú rừng. - Kĩ năng hợp tác: Tìm kiếm các lựa chọn, các cách làm để tuyên truyền, bảo vệ các loài thú rừng ở địa phương |
| **28** | Thú ( Tiếp theo) | 55 |  | MTBĐ, BVMT |
| Mặt trời | 56 |  | MTBĐ, BVMT |
| **29** | Thực hành: Đi thăm thiên nhiên | 57 | Điều chỉnh: giảm đi 1 tiết. Đi thăm quan ngoài lớp học. | Tích hợp Biển- hải đảo, GDBVMT, GDKNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí các thông tin: Tổng hợp các thông tin thu nhận được về các loài cây, con vật: Khái quất văn hóa về đặc điểm chung của thực vật và động vật.  - Kĩ năng hợp tác: Hợp tác khi làm việc nhóm như: Hợp tác khi làm việc nhóm như: kĩ năng láng nghe, trình bày ý kiến cá nhân và khả năng diễn đạt, tôn trọng ý kiến người khác, tự tin. Nỗ lực làm việc của cá nhân tạo nên kết quả chung của cả nhóm. - Trình bày sáng tạo kết quả thu nhận được của nhóm bằng hình ảnh thông tin,... |
| Trái Đất. Qủa địa cầu | 58 |  |  |
| **30** | Sự chuyển động của Trái Đất | 59 |  |  |
| Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời | 60 |  | GDKNS: - Kĩ năng hợp tác và kĩ năng làm chủ bản thân: Hợp tác và đảm nhận trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. - Kĩ năng giao tiếp: Tự tin khi trình bày và thực hành quay quả địa cầu. - Phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo. |
| **31** | Mặt trăng là vệ tinh của Trái Đất | 61 |  |  |
| Ngày và đêm trên Trái Đất | 62 |  |  |
| **32** | Năm, tháng và mùa ( 2 tiết) | 63-64 | Bổ sung: HĐ tìm hiểu về hoạt động của 4 mùa(xuân, hạ, thu, đông).Điều chỉnh: tăng thêm 1 tiết. | GDBVMT |
| **33** | Các đới khí hậu | 65 |  |  |
| Bề mặt trái đất | 66 |  | MTBĐ |
| **34** | Bề mặt lục địa | 67 |  | GD MTBĐ, GD BVMT, GD KNS: - Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin: Biết xử lí các thông tin để có biểu tượng về suối, sông, hồ, núi, đồi, đồng bằng,.. - Quan sát, so sánh để nhận ra điểm giống nhau và khác nhau giữa đồi và núi; giữa đồng bằng và cao nguyên. |
| Bề mặt lục địa (tiếp theo) | 68 |  |  |
| **35** | Ôn tập và kiểm tra học kì II : Tự nhiên ( 2 tiết) | 69-70 |  |  |